|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ XÂY DỰNG** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-BXD |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**Dự thảo**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố phương pháp khảo sát, thu thập thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

*Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng và Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Phương pháp khảo sát, thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo khi thực hiện công tác công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình theo quy định của Nghị định số [10/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-10-2021-nd-cp-quan-ly-chi-phi-dau-tu-xay-dung-465104.aspx" \o "Nghị định 10/2021/NĐ-CP" \t "_blank) ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Quốc hội;  - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ;  - Cơ quan TW của các đoàn thể;  - Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc CP;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Các Sở Xây dựng, các Sở có công trình xây dựng chuyên ngành;  - Website của Bộ Xây dựng;  - Các Cục, Vụ thuộc BXD;  - Lưu: VT, Cục KTXD, Viện KTXD | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Bùi Hồng Minh** |

Phụ lục kèm theo Quyết định số ....QĐ/BXD ngày .../.../2022 của

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

**-------------**

**PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN PHỤC VỤ VIỆC CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH**

**1. Mục đích, yêu cầu của việc khảo sát, thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình để công bố**

**1.1. Mục đích**

Phương pháp khảo sát, thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình hướng dẫn tại Văn bản này để các địa phương tham khảo khi thực hiện nhiệm vụ công bố thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình theo quy định của Luật Xây dựng.

**1.2. Một số yêu cầu trong việc khảo sát, thu thập thông tin**

a) Việc khảo sát, thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình phải đảm bảo khách quan, kịp thời, là giá phổ biến trên thị trường tại thời điểm thu thập thông tin.

b) Danh mục loại vật liệu xây dựng cần thu thập thông tin phải phù hợp với danh mục các loại vật liệu xây dựng trong hệ thống định mức dự toán xây dựng hiện hành và được kinh doanh, sử dụng phổ biến trên thị trường xây dựng tại địa phương.

Danh mục thiết bị công trình cần thu thập thông tin là các loại thiết bị phổ biến tại các loại công trình xây dựng và được kinh doanh phổ biến tại địa phương.

c) Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình được thu thập trên cơ sở giá thị trường của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại thời điểm quy định, chưa có thuế giá trị gia tăng (VAT). Phân định rõ giá bán buôn, giá bán lẻ.

d) Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình được thu thập định kỳ hàng tháng tại 2 thời điểm (ngày 11 và ngày 21 hàng tháng) và có thể bổ sung kỳ thu thập nếu cần thiết.

đ) Thông tin về vật liệu, thiết bị phải rõ nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; và các thông tin khác về địa điểm cung cấp, giao nhận, khả năng cung ứng của đơn vị sản xuất, kinh doanh,…

e) Phải có kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất đối với nguồn cung cấp thông tin, dữ liệu để đảm bảo độ hợp lý, chính xác của các thông tin thu thập được.

**2. Nguồn thông tin, số liệu về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình để công bố**

Thông tin, số liệu về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình được thu thập từ các nguồn sau:

1. Khảo sát, thu thập thông tin trực tiếp tại các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiets bị công trình trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

2. Thông tin được cung cấp từ các tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình có nhu cầu đăng thông tin về giá sản phẩm trong công bố giá của địa phương;

3. Thu thập từ công bố của cơ quan có thẩm quyền, báo giá của các tổ chức cá nhân đã được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền định giá, và các nguồn thông tin tin cậy khác.

**3. Khảo sát, thu thập thông tin về giá**

Khảo sát, thu thập thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh, thành phố để công bố bao gồm những nội dung sau:

1/ Xây dựng danh mục các loại vật liệu, thiết bị cần thu thập thông tin về giá;

2/ Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin;

3/ Kiểm tra, xử lý, tổng hợp thông tin thu thập được.

**3.1. Xây dựng danh mục các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình cần thu thập thông tin về giá**

Danh mục các loại vật liệu, thiết bị cần thu thập thông tin được xây dựng như sau:

- Dựa trên danh mục các loại vật liệu trong hệ thống định mức hiện hành, Sở Xây dựng tiến hành khảo sát thị trường để chọn tối đa số lượng những loại vật liệu phổ biến có trên địa bàn tỉnh/thành phố. Danh mục thiết bị lựa chọn trên cơ sở yêu cầu sử dụng phổ biến cho các loại công trình tại địa phương và mức độ sẵn có trên thị trường khu vực.

- Mỗi loại vật liệu, thiết bị cần ghi rõ tên, các đặc tính mô tả (như: thương hiệu, xuất xứ, chủng loại, đặc điểm kỹ thuật chủ yếu,...), đơn vị tính và các thông tin khác liên quan để phân biệt mức giá (nếu cần thiết).

- Đối với những loại vật liệu, thiết bị được nhiều đơn vị sản xuất hoặc có nhiều quy cách khác nhau, Sở Xây dựng khảo sát thị trường của địa phương và chọn loại có quy cách, nhãn mác được sử dụng phổ biến nhất tại đó để ghi vào danh mục.

- Đối với các loại vật liệu có khó khăn trong việc xác định đặc tính, chất lượng, cần chọn những tiêu thức mô tả nổi bật về loại vật liệu đó để đưa vào danh mục (ví dụ: kích thước, nơi sản xuất, khai thác,…).

*Danh mục một số nhóm vật liệu, thiết bị chủ yếu cần được khảo sát, thu thập thông tin tại Phụ lục 2 (Ngoài những nhóm vật liệu này, Sở Xây dựng bổ sung vào danh mục các loại vật liệu, thiết bị thông dụng khác theo đặc thù của địa phương).*

**3.2. Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin**

**3.2.1. Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin**

a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực tổ chức định kỳ thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh/thành phố để công bố.

b) Cơ quan chủ trì phê duyệt Kế hoạch khảo sát, thu thập thông tin gồm các nội dung cơ bản sau:

- Thời gian bắt đầu và kết thúc khảo sát, thu thập thông tin (tương ứng với các đợt điều tra để công bố giá vật liệu, thiết bị công trình theo quy định như hàng tháng, hàng quý);

- Danh mục loại vật liệu, thiết bị cần khảo sát, thu thập thông tin;

- Các khu vực thực hiện khảo sát;

- Danh sách các địa điểm thu thập thông tin: là địa chỉ, nơi cung cấp sản phẩm, hàng hóa của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình;

- Dự kiến loại giá thu thập đối với mỗi loại vật liệu, thiết bị (giá bình quân trong khu vực hoặc giá tại địa điểm giao hàng cụ thể).

**3.2.2. Khu vực khảo sát**

Căn cứ qui mô hành chính, địa lý, đặc điểm đầu tư xây dựng của tỉnh/thành phố, Sở Xây dựng tiến hành chọn và phân bổ các khu vực khảo sát phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và đáp ứng các yêu cầu sau:

- Chọn các khu vực khảo sát có tính chất đại diện cho thị trường xây dựng khu vực cần công bố giá;

- Tại các khu vực khảo sát có thể thu thập tối đa giá theo danh mục đã lựa chọn;

- Tham khảo mức độ tiêu thụ, mức giá trong thời gian vừa qua để chọn khu vực khảo sát nhằm phản ánh sát thực tế mặt bằng giá cả, mức độ biến động giá trên địa bàn.

**3.2.3. Điểm khảo sát, thu thập thông tin**

a) Điểm thu thập thông tin bao gồm: tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình có địa điểm kinh doanh ổn định, thuộc các thành phần kinh tế, nằm trong các khu vực khảo sát đã được chọn.

b) Nguyên tắc, yêu cầu lựa chọn điểm thu thập thông tin:

- Chọn những điểm có hoạt động kinh doanh thường xuyên, tương đối ổn định, thực hiện hình thức bán buôn, bán lẻ hoặc vừa bán buôn, vừa bán lẻ.

- Đối với những loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình được kinh doanh phổ biến, việc khảo sát, thu thập các mức giá phải được thực hiện ít nhất tại 03 điểm cho mỗi một loại (yêu cầu điều tra riêng cho hoạt động bán buôn, bán lẻ). Trường hợp trong khu vực khảo sát, một số loại vật liệu, thiết bị không thu thập đủ tại 03 điểm, thì phải nêu rõ lý do, những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện khảo sát, khả năng sử dụng giá đó để công bố.

- Có thể thu thập thông tin về giá của nhiều loại vật liệu, thiết bị trong danh mục, thu thập đồng thời giá bán buôn và giá bán lẻ tại 1 điểm nếu điểm đó đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin.

**3.2.4. Thời điểm thu thập thông tin**

- Mức giá vật liệu xây dựng, thiết bị được thu thập tại 2 thời điểm trong tháng: mức giá ngày 11 và mức giá ngày 21.

- Khi có biến động bất thường đối với loại vật liệu xây dựng, thiết bị cụ thể có thể điều tra bổ sung để xem xét công bố cho kịp thời, đảm bảo phản ánh đúng diễn biến của thị trường.

**3.2.5. Phương pháp thu thập thông tin**

a) Phương pháp thu thập thông tin là thu thập trực tiếp: người được giao khảo sát trực tiếp đến điểm thu thập thông tin để khảo sát, thu thập thông tin. Mẫu phiếu khảo sát tại Phụ lục 3 của Hướng dẫn này.

b) Một số yêu cầu khi thu thập thông tin:

- Thu thập giá bán buôn và giá bán lẻ cho từng loại vật liệu, thiết bị; ghi rõ thông tin về các yếu tố khác liên quan như: thuế giá trị gia tăng (nếu có), giá bán tại cửa hàng, nơi sản xuất, giá bán bình quân trong khu vực, giá bán tới địa điểm cụ thể, điều kiện vận chuyển, chi phí vận chuyển (nếu có),...

- Đối với từng loại vật liệu, thiết bị thu thập giá bán bình quân trong khu vực hoặc/và giá bán tại nơi giao hàng cụ thể như đã thống nhất trong Kế hoạch khảo sát, thu thập thông tin .

- Đối với một số loại vật liệu, thiết bị mà địa điểm sản xuất, kinh doanh chỉ có ở một số khu vực nhất định, có thể thu thập thêm các mức giá của loại vật liệu, thiết bị đó tại vị trí giao nhận thuộc các khu vực khác của tỉnh, thành phố. Trong Phiếu khảo sát cần ghi chú rõ mức giá gắn với vị trí giao nhận trên địa bàn.

**3.3. Kiểm tra, xử lý, tổng hợp thông tin giá vật liệu xây dựng**

**3.3.1 Kiểm tra, xử lý thông tin thu thập được**

Sau khi tiếp nhận phiếu điều tra, công tác kiểm tra, xử lý phiếu khảo sát cần đảm bảo những nội dung sau:

- Giá thu thập được là giá thị trường (chưa có VAT), không bao gồm các khuyến mại (nếu có), phù hợp với đơn vị tính.

- Đơn vị tính giá của các loại hàng hoá phải đúng với quy định trong Danh mục đã lựa chọn;

- Các thông tin trong phiếu đủ để phân biệt loại hàng hóa; mức giá gắn với xuất xứ, đặc điểm của loại hàng hóa, địa điểm, phương thức giao hàng;

- Xử lý một số trường hợp bất thường xảy ra (như chênh lệch giá lớn giữa các phiếu đối với cùng một loại vật liệu, thiết bị…).

**3.3.2 Tổng hợp thông tin giá vật liệu, thiết bị**

- Việc tổng hợp thông tin giá vật liệu, thiết bị thể hiện qua giá bình quân của từng loại vật liệu, thiết bị trong Danh mục mục đã lựa chọn.

- Giá bình quân của loại vật liệu, thiết bị được xác định riêng theo giá bán buôn, giá bán lẻ, phù hợp với khu vực khảo sát theo nguyên tắc sau:

+ Giá bình quân của loại vật liệu, thiết bị trong kỳ thu thập thông tin được xác định trên cơ sở bình quân số học các mức giá tại các điểm thu thập thông tin của loại vật liệu, thiết bị đó.

+ Giá bình quân theo tháng của loại vật liệu, thiết bị được xác định trên cơ sở bình quân số học giá bình quân của loại vật liệu, thiết bị đó trong các kỳ thu thập thông tin trong tháng.

**4. Thông tin cung cấp của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình có nhu cầu công bố thông tin về giá**

4.1. Sở Xây dựng thông báo rộng rãi và hướng dẫn các đơn vị sản xuất, kinh doanh, cơ sở phân phối vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh/thành phố (sau đây gọi tắt là tổ chức SXKD) có nhu cầu công bố thông tin về giá vật liệu, thiết bị trong Công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị cong trình của tỉnh, thành phố để đăng ký cung cấp thông tin về giá.

4.2. Tổ chức SXKD vật liệu xây dựng đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình phải đảm bảo:

a) Có địa điểm cụ thể, thông tin liên hệ rõ ràng của nhà máy sản xuất, trụ sở chính, cơ sở kinh doanh;

b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sản xuất hoặc cung cấp vật liệu xây dựng, thiết bị công trình do cấp có thẩm quyền cấp phù hợp với chủng loại vật liệu đề nghị đăng ký công bố thông tin. Các loại vật liệu, thiết bị đăng ký cung cấp thông tin để công bố phải đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành;

c) Có văn bản đề nghị đăng ký công bố thông tin giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình kèm cam kết chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp *(Mẫu văn bản đề nghị tại Phụ lục 4 của Hướng dẫn này)*;

d) Các yêu cầu khác theo hướng dẫn của Sở Xây dựng.

4.3. Cung cấp các thông tin về giá:

a) Bản cung cấp thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình cần nêu rõ quy cách hàng hoá; giá bán buôn, bán lẻ, bán lẻ khuyến nghị (nếu có); địa điểm bán hàng, giao nhận hàng. Mức giá là giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện giao dịch với khách hàng, chưa bao gồm VAT và là mức giá không bao gồm khuyến mại.

Bản cung cấp thông tin về giá cần nêu rõ dự kiến thời gian có hiệu lực của mức giá. Trường hợp có sự thay đổi về giá và phương thức bán hàng thì doanh nghiệp phải có văn bản gửi Sở Xây dựng để kịp thời cập nhật. (*Bảng cung cấp thông tin về giá tại Phụ lục 3 của Hướng dẫn này).*

b) Trường hợp tổ chức SXKD chỉ thực hiện bán buôn thì cung cấp thông tin giá bán buôn;

c) Trường hợp tổ chức SXKD vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì cung cấp thông tin cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

d) Trường hợp tổ chức SXKD là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì cung cấp thông tin giá bán buôn và giá bán lẻ dự kiến (nếu có);  
 đ) Trường hợp tổ chức SXKD là nhà phân phối độc quyền thì cung cấp thông tin giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến;

e) Trường hợp tổ chức có chính sách khuyến mại, giảm giá hay chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng thì ghi rõ trong Bản cung cấp thông tin tên đối tượng, khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng và mức khuyến mại, giảm giá hay chiết khấu.

4.4. Hình thức cung cấp thông tin

Tổ chức SXKD vật liệu xây dựng thực hiện cung cấp thông tin gửi Sở Xây dựng theo một trong các hình thức sau:

- Gửi văn bản trực tiếp đến Sở xây dựng;

- Gửi qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử hoặc kèm bản chụp kỹ thuật số văn bản có chữ ký và dấu theo địa chỉ được cơ quan tiếp nhận văn bản thông báo. Đồng thời gửi 02 bản cho Sở Xây dựng qua đường bưu điện.

4.5. Trên cơ sở các thông tin được các tổ chức SXKD cung cấp, Sở Xây dựng rà soát, đánh giá mức độ hợp lý, tin cậy qua việc so sánh với các nguồn thông tin khác như: tổng hợp trên các phương tiện thông tin đại chúng, giá đã công bố tại các địa phương khác, giá đã và đang sử dụng tại công trình khác (qua các chủ đầu tư, nhà thầu), tính tương quan với giá các loại vật liệu, thiết bị có tính năng tương tự,.…

4.6. Sở Xây dựng định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện của tổ chức SXKD đăng ký cung cấp thông tin về tính chính xác các thông tin cung cấp thông qua phản ánh từ thị trường hoặc khảo sát trực tiếp. Trường hợp có sai phạm, vi phạm cần loại bỏ khỏi danh sách cung cấp thông tin công bố.

**5. Rà soát, kiểm tra thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trước khi công bố:**

Trên cơ sở thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình được tổng hợp từ các nguồn nêu tại Mục II, việc rà soát, kiểm tra trước khi công bố bao gồm:

1. Đánh giá sự phù hợp của giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình với thực tế thị trường thông qua mức độ biến động giá với xu hướng biến động của thị trường;

2. Đối với những loại vật liệu, thiết bị đã được các địa phương lân cận công bố giá cần rà soát, đánh giá nguyên nhân về sự chênh lệch. Trường hợp cần thiết phải có các giải pháp đánh giá, xác minh lại thông tin trước khi công bố.

3. Trường hợp cùng một loại vật liệu, thiết bị có sự khác nhau quá lớn về giá trị (trên 5%) giữa các nguồn thông tin khác nhau cần phải tổ chức kiểm tra lại thông tin. Hình thức kiểm tra có thể thực hiện: gọi điện kiểm tra lại thông tin, khảo sát kiểm chứng,….

**Danh mục một số loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình chủ yếu cần thu thập thông tin về giá**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm/Loại vật liệu xây dựng** | **Đơn vị tính** |
| **I** | **Vật liệu xây dựng chủ yếu, cơ bản** |  |
| 1 | Cát xây dựng các loại | m3 |
| 2 | Đá xây dựng các loại | m3 |
| 3 | Sắt thép các loại | tấn |
| 4 | Gạch xây các loại | viên |
| 5 | Gỗ xây dựng các loại | m3 |
| 6 | Xi măng các loại | tấn |
|  | ... |  |
| **II** | **Vật liệu chủ yếu trong công trình dân dụng** |  |
| 1 | Gạch ốp, lát các loại | viên/m2 |
| 2 | Đá ốp lát các loại | viên/m2 |
| 3 | Ngói các loại | viên/m2 |
| 4 | Kính các loại | m2 |
| 5 | Sơn (tường, trần, cột) các loại | kg |
| 6 | Tấm lợp nhựa các loại | tấm/m2 |
| 7 | Tấm lợp tôn các loại | tấm/m2 |
| 8 | Cửa gỗ các loại | m2 |
| 9 | Cửa nhựa lõi thép các loại | m2 |
| 10 | Bê tông thương phẩm | m3 |
| 11 | Vữa các loại | m3 |
| 12 | Chậu rửa các loại | cái |
| 13 | Vòi rửa các loại | cái |
| 14 | Chậu tiểu nam các loại | cái |
| 15 | Xí bệt các loại | cái |
| 16 | Bột bả, bột màu các loại | kg |
|  | ... |  |
| **III** | **Vật liệu chủ yếu trong công trình giao thông** |  |
| 1 | Nhựa đường, nhựa nhũ tương, nhựa polome | tấn |
| 2 | Đất đắp các loại | m3 |
| 3 | Bê tông nhựa các loại | tấn |
| 4 | Sơn đường các loại. | kg |
| 5 | Biển báo các loại | cái |
| 6 | Cột biển báo, cột đèn giao thông, cột đèn đường các loại | cột |
| 7 | Cọc tiêu các loại | cọc |
| 8 | Viên phản quang | viên |
| 9 | Màng phản quang | m2 |
| 10 | Tà vẹt các loại | Cái/chiếc |
|  | ... |  |
| **IV** | **Vật liệu chủ yếu ngành điện** |  |
| 1 | Dây, cáp dẫn điện các loại | m |
| 2 | Cột điện các loại | cột |
| 3 | Bộ sứ các loại | bộ |
| 4 | Công tắc các loại | cái/chiếc |
| 5 | Aptomat các loại | cái/chiếc |
| 6 | Cầu dao các loại | cái/chiếc |
| 7 | Cầu chì các loại | cái/chiếc |
| 8 | Đèn chiếu sáng các loại | cái/chiếc |
|  | ... |  |
| **V** | **Vật liệu chủ yếu ngành nước** |  |
| 1 | Ống nhựa, ống thép các loại | md |
| 2 | Côn, cút nhựa, thép các loại | cái |
| 3 | Măng sông nhựa, thép các loại | cái |
| 4 | Tê nhựa, thép các loại | cái |
| 5 | BU, BE nhựa, thép các loại | cái |
| 6 | Bích nhựa, thép các loại | cái |
|  | ... |  |
| **VI** | **Kết cấu thép** |  |
| 1 | Cọc ống thép các loại | md |
| 2 | Cọc thép hình U, I, ... các loại | md |
| 3 | Cọc ván thép, cọc cừ thép các loại | md |
| 4 | Xà gồ thép các loại | tấn |
| 5 | Vì kèo thép các loại | tấn |
|  | ... |  |
| **VII** | **Cấu kiện bê tông đúc sẵn** |  |
| 1 | Cọc bê tông các loại | md/cọc |
| 2 | Cống tròn bê tông cốt thép các loại | md |
| 3 | Cống hộp bê tông cốt thép các loại | md |
| 4 | Dầm bê tông cốt thép các loại | phiến dầm |
| 5 | Nắp cống hộp, đậy ống bê tông các loại | cái |
| 6 | Nắp hố ga bê tông các loại | cái |
| 7 | Nắp rãnh bê tông các loại | cái |
| 8 | Tấm bê tông các loại | tấm |
|  | ... |  |
| **VIII** | **Thiết bị công trình** |  |
| 1 | Điều hòa nhiệt độ | cái |
| 2 | Máy bơm | cái |
| 3 | Máy biến áp | cái |
| 4  5  … | Bình nóng lạnh  Quạt  …… | cái  cái  …. |

**Mẫu phiếu khảo sát giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình**

**PHIẾU KHẢO SÁT GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH**

1. Tỉnh/thành phố:…………………………………………………………….

2. Khu vực khảo sát: ………………………………………………………….

3. Kỳ điều tra: …………………………………………………………………

4. Thông tin điểm thu thập thông tin:

Tên: …………………………………………………………………….

Địa chỉ:………………………………………………………………….

Số điện thoại:……………………………………………………………

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã số | Tên loại vật liệu, thiết bị công trình | Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật | Đơn vị tính | Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại | Điều khoản giao hàng | Khối lượng cung ứng  (nếu có) | Giá bán (chưa có VAT)  (Đơn vị tính …..) | | Ghi chú |
| Bán buôn | Bán lẻ |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9a | 9b | 10 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Người cung cấp thông tin  (Ký, ghi rõ họ tên)  Số điện thoại:………………….. | Người thực hiện điều tra  (Ký, ghi rõ họ tên) |

**Chú thích:**

- Loại vật liệu, thiết bị khi thu thập phải đồng nhất về tên gọi, đặc điểm kỹ thuật, đơn vị tính để đảm bảo khả năng so sánh được giữa các kỳ thu thập thông tin.

- Cột 2: Ghi mã số loại vật liệu, thiết bị nếu có.

- Cột 3, 4, 5: Ghi đồng nhất với Danh mục khảo sát đã được thống nhất

- Cột 6: Ghi rõ thời điểm thay đổi sang giá bán tại thời điểm khảo sát.

- Cột 7: Ghi rõ hàng được bán trên phương tiện bên mua hay được vận chuyển đến nơi bán. Nếu có đơn giá giá vận chuyển cụ thể hoặc giá bán gắn với địa điểm cụ thể thì ghi rõ tại Cột 10.

- Cột 8: Khối lượng cung ứng tối đa (nếu có)

- Cột 9: Ghi rõ giá bán là giá giao dịch của tổ chức, cá nhân.

- Cột 10: Ghi các nội dung khác làm rõ về điều kiện bán hàng, ….

**Mẫu văn bản đăng ký cung cấp thông tin công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị**  **đăng ký công bố giá**  Số: ........ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**    *.........., ngày tháng năm .....* |

V/v: Đăng ký cung cấp thông tin phục vụ

công bố giá vật liệu xây dựng,

thiết bị công trình của tỉnh

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh/thành phố.....

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

Công ty ...... gửi hồ sơ đề nghị xem xét công bố giá sản phẩm........ vào Công bố giá vật liệu, thiết bị định kỳ của tỉnh/thành phố .

**I. Thông tin chung về Công ty**

1. Tên công ty:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại:

4. Email:...

5....

**II. Thành phần hồ sơ bao gồm**

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp
2. Bảng giá niêm yết giá sản phẩm của đơn vị
3. ...
4. .....

**III. Thời điểm mức giá có hiệu lực**

**IV. Cam kết của Công ty**

1. Các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng;

2. Đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo các quy định của pháp luật;

3. Các sản phẩm, hàng hóa đăng ký công bố thông tin đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành;

4. Giá đang ký công bố là giá đảm bảo thực hiện giao dịch của Công ty (thực tế Công ty đang bán).

5. Nếu có sự thay đổi về giá, phương thức bán hàng và các thông tin khác trong thời gian giá có hiệu lực, Công ty sẽ thông báo kịp thời tới Sở Xây dựng để cập nhật.

Công ty ... xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã cung cấp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN**

*(Kèm theo công văn số.........ngày.......tháng.......năm........của.........)*

1/ Mức giá các loại vật liệu, thiết bị:

Đơn vị tính: .......

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình | Quy cách, chất lượng | Đơn vị  tính | Mức giá | | Dự kiến thời gian hiệu lực | Ghi chú |
| Bán buôn | Bán lẻ |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

2/ Các thông tin thêm về điều kiện bán hàng: ……